

Số: /KH-NTr

Măng Đen, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 625/SGDĐT-GDTrH, ngày 19/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026;

Thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Trường THCS Măng Đen xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Minh bạch các thông tin có liên quan của nhà trường để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh học sinh và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của nhà trường.
- Quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, chống các biểu hiện tiêu cực trong nhà trường.
- Tăng cường trách nhiệm giải trình của Ban giám hiệu nhà trường.

2. Yêu cầu

- Thực hiện công khai đảm bảo đúng các qui định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các qui định của pháp luật có liên quan.
- Thông tin công khai phải đảm bảo chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, dễ hiểu và dễ tiếp cận.
- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai gắn với luật dân chủ ở cơ sở để xây dựng môi đoàn kết nội bộ trong trường học

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Thông tin chung

1.1. Tên nhà trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên trường: **Trường Trung học cơ sở Măng Đen**

1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường:

- Số 08/Võ Nguyên Giáp, tổ dân phố 4, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi.

1.3. Điện thoại: 02603.508.181

- Thư điện tử: thcsmangden.konplong@moet.edu.vn

- Trang thông tin điện tử: <http://thcsmangden.edu.vn/>

- Loại hình của nhà trường, cơ quan quản lý trực tiếp:

+ Trường trung học cơ sở Măng Đen là loại hình trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và trực tiếp quản lý.

- + Cơ quan quản lý trực tiếp: **Ủy ban nhân dân xã Măng Đen.**

+ Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

** Sứ mệnh:*

- Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

** Tầm nhìn:*

- Đến năm 2030, đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- Tiếp tục củng cố và duy trì vị thế của nhà trường là một trong những đơn vị có phong trào và chất lượng giáo dục cao của huyện, là địa chỉ tin cậy để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

- Đến năm 2030, phấn đấu đạt được 1 số tiêu chuẩn mức 2 kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

** Mục tiêu:*

- Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục THCS; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên THPT hoặc đi vào cuộc sống lao động. Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

- Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường. Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.

- Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

- Huy động các nguồn lực trong toàn xã hội để phát triển nhà trường.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

- Trường THCS Măng Đen được thành lập từ tháng 09 năm 2016 trên cơ sở chia tách từ trường TH-THCS Măng Đen (từ năm học 2009-2010, trường TH- THCS Măng Đen là trường trọng điểm của huyện nhà, giáo viên của trường về công tác giảng dạy là những giáo viên giỏi được lựa chọn từ các đơn vị trường học trên địa bàn Huyện). Để tạo điều kiện công tác giảng dạy và quản lý được tốt nhất, ngày 07 tháng 09 năm 2016 Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (cũ) ra Quyết định số: 734/QĐ-CT thành lập trường THCS Măng Đen.

- Trải qua 9 năm xây dựng và phát triển nhà trường theo kế hoạch chiến lược, trường THCS Măng Đen đã khẳng định được chức năng, nhiệm vụ và uy tín của mình: Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng ổn định, chất lượng mũi nhọn được giữ vững và nâng lên. Trường luôn là đơn vị dẫn đầu trong các phong trào thi đua cũng như kết quả giáo dục của địa phương. Với việc được chuyển về cơ sở mới độc lập (năm 2020) tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường trong từng năm học và từng giai đoạn cụ thể.

- Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường THCS Măng Đen đã được UBND Tỉnh 02 lần tặng cờ thi vào các năm học 2018-2019 và 2021-2022 cùng nhiều danh hiệu khác.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: **Hoàng Văn Đam**

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Trung học cơ sở Măng Đen - Số 08/Võ Nguyên Giáp, tổ dân phố 4, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi.

- Số điện thoại: 0972.214.219

- Địa chỉ gmail: hoangdammd@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của nhà trường: Quyết định số 734/QĐ-CT ngày 07/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (cũ) về việc thành lập trường Trung học cơ sở Măng Đen; Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Măng Đen về

tiếp nhận, tổ chức lại và phân công công tác đối với viên chức các đơn vị trường học trực thuộc xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường, danh sách thành viên Hội đồng trường: Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (cũ) về việc thành lập Hội đồng Trường trường Trung học cơ sở Măng Đen, nhiệm kỳ 2022-2026.

- Hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường, cụ thể:

+ Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng: Chủ tịch Hội đồng trường

+ Phó Hiệu trưởng – Chủ tịch Công đoàn: Phó Chủ tịch Hội đồng trường

+ Thư ký Hội đồng sư phạm: Thư ký Hội đồng trường

+ Các thành viên Hội đồng trường, gồm: Công chức VH-XH, Ủy ban nhân dân TT. Măng Đen; Đại diện BDD cha mẹ học sinh; Bí thư Chi đoàn trường; Tổng phụ trách đội TNTP Hồ Chí Minh; Liên đội trưởng (học sinh); Tổ trưởng tổ Xã hội; Tổ trưởng tổ Tự nhiên; Tổ trưởng tổ Văn phòng.

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;

+ Hiệu trưởng: Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen Về việc điều động, bổ nhiệm ông Hoàng Văn Đam, Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Thị trấn Măng Đen giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Măng Đen.

+ Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen Về việc bổ nhiệm ông Vũ Kim Đạt giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Măng Đen.

- Các văn bản khác của nhà trường, gồm:

+ Kế hoạch số 02/KHCL, ngày 30/09/2021 của trường THCS Măng Đen về kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026, và tầm nhìn đến năm 2030.

+ Kế hoạch số 51/KH-NTr, ngày 21/03/2022 của trường THCS Măng Đen về kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

+ Quyết định số 12/QĐ-NTr ngày 06/09/2025 V/v ban hành Quy định quy tắc ứng xử của học sinh trong trường THCS Măng Đen; Quyết định số 14/QĐ-NTr ngày 16/09/2025 V/v Ban hành Quy chế hoạt động của trường THCS Măng Đen; Quyết định số: 15/QĐ-NTr ngày 16/09/2025 V/v Ban hành Quy định quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động trong trường THCS Măng Đen.

2. Công khai thu, chi tài chính

- Thực hiện công khai thu, chi tài chính theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm:

- Công khai tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

*** Năm 2024** (Từ tháng 01/2024 đến hết tháng 12/2024)

- Tổng ngân sách cấp: 5.290.037.000đ.
- Tổng chi: 5.247.192.578đ. Trong đó chi:
 - + Lương, phụ cấp lương: 3.714.102.212đ.
 - + Các khoản đóng góp: 572.761.159đ.
 - + Các khoản hỗ trợ khác (Phép hè): 22.526.000đ.
 - + Hợp đồng bảo vệ, hợp đồng giáo viên: 167.048.000đ.
 - + Các chế độ cho học sinh: Chế độ NĐ81+ NĐ 42: 33.900.000đ.
 - + Các khoản chi khác cho cá nhân (chế độ giáo viên dạy khuyết tật; dạy 2 buổi/ngày/thừa giờ; thể dục ngoài trời): 84.474.200đ.
 - + Cấp bù học phí: 2.660.000đ.
 - + Chi trả tiền dịch vụ công cộng (điện + nước + môi trường): 14.109.621đ.
 - + Vật tư văn phòng: 74.739.000đ.
 - + Thông tin, truyền thông liên lạc: 6.383.394đ.
 - + Hội nghị: 2.027.000đ.
 - + Công tác phí: 24.150.000đ.
 - + Chi phí thuê mướn: 62.787.000đ.
 - + Chi phí sửa chữa: 148.390.000đ.
 - + Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn: 14.850.000đ.
 - + Chi mua hàng hóa cho chuyên môn: 143.206.000đ.
 - + Chi mua sắm tài sản vô hình: 43.520.000đ.
 - + Chi khác: 67.592.000đ.
 - + Tiết kiệm 10% giữ lại: -28.700.000đ.
- Ngân sách còn: 62.844.422đ.

*** Năm 2025** (Từ tháng 01 đến hết tháng 9/2025)

- Tổng ngân sách cấp: 8.326.000.000đ.
- + Giai đoạn chưa sáp nhập: 5.652.000.000đ.
- + Giai đoạn sáp nhập: 2.674.000.000đ.
- Tổng chi: 4.179.248.368đ. Trong đó chi:
 - + Lương, phụ cấp lương: 3.077.260.306đ.

- + Các khoản đóng góp: 492.636.438đ.
- + Hợp đồng bảo vệ: 74.671.812đ.
- + Các chế độ cho học sinh: Chế độ NĐ81+ NĐ 42: 23.100.000đ.
- + Các khoản chi khác cho cá nhân (chế độ giáo viên dạy khuyết tật, dạy 2 buổi/ ngày/thừa giờ, thể dục ngoài trời): 6.364.000đ.
- + Chi trả tiền dịch vụ công cộng (điện + nước + môi trường): 13.965.029đ.
- + Vật tư văn phòng: 86.412.740đ.
- + Thông tin, truyền thông liên lạc: 7.721.219đ.
- + Công tác phí: 36.500.000đ.
- + Chi phí thuê mướn: 42.318.200đ.
- + Chi phí sửa chữa: 95.760.000đ.
- + Chi mua hàng hóa cho chuyên môn: 125.143.500đ.
- + Chi mua sắm tài sản vô hình: 43.520.000đ.
- + Chi khác: 45.115.000đ.
- Ngân sách còn: 1.473.211.907đ.

3. Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục

Thực hiện công khai điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm:

3.1. Công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Bồi dưỡng TX	
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD	HT	CHT
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		21			20	1			5	14		12	7			21	
I	Giáo viên Trong đó giáo viên dạy môn:	17			17				5	12		10	7			17	
1	Thể dục	1			1				1							1	
2	Âm nhạc	1			1				1							1	
3	Mỹ thuật	1			1					1						1	
4	Tin học	1			1					1						1	
5	Tiếng Anh	2			2					2						2	
6	Ngữ Văn	3			3				1	2						3	

7	Lịch sử															
8	Địa lý	2			2				2						2	
9	Toán học	3			3			2	1						3	
10	Vật lý	1			1				1						1	
11	Hóa học	1			1				1						1	
12	Sinh học	1			1				1						1	
13	GD&ĐT															
14	Công nghệ															
II	CBQL	2			1				2		2				2	
1	Hiệu trưởng	1			1				1		1				1	
2	P. hiệu trưởng	1			1				1		1				1	
III	Nhân viên	2			1	1									2	
1	Văn thư															
2	Kế toán	1			1										1	
3	Thủ quỹ															
4	Y tế															
5	Thư viện															
6	Thiết bị, thí nghiệm	1				1									1	
7	Hỗ trợ GD người khuyết tật															
8	Công nghệ thông tin															
9	...															

3.2. Công khai thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	5,66 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	36HS/phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập	0	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	8	-
7	Khối phòng hành chính – quản trị	0	
8	Bình quân lớp/phòng học	1/1	1/1
9	Bình quân học sinh/lớp	288	36HS/lớp
III	Số điểm trường	01 Trường chính	-

IV	Tổng số diện tích đất (m²)	21.232	74m ² /1HS (Vượt mức tối thiểu)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5383	38% Tổng diện tích (vượt mức)
VI	Tổng diện tích các phòng	916	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	916	3,2m ² /1HS (Vượt mức tối thiểu)
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	0	-
3	Diện tích thư viện (m ²)	0	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	0	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0	-
1.1	Khối lớp 6	0	-
1.2	Khối lớp 7	0	-
1.3	Khối lớp 8+9	0	-
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	8	-
2.1	Khối lớp 6	2	1bộ/1lớp
2.2	Khối lớp 7	2	1bộ/1lớp
2.3	Khối lớp 8+9	4	1bộ/1lớp
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	-
4	Vườn thuốc nam	0	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (đơn vị tính: bộ)	30	1 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/trường
1	Ti vi	10	-
2	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	-
3	Máy in canon	2	-
4	Máy tính phục vụ văn phòng	1	-
5	Máy tính phục vụ chuyên môn	1	-
6	Amplify+Loa	2 bộ	-
7	Máy tính xách tay	3	-
8	Máy photocopy	1	-

3.3. Công khai thông tin về kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá của nhà trường: Chưa đạt.
- Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm từng bước nâng cao chất lượng.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1				x
Tiêu chí 2			x	
Tiêu chí 3				x
Tiêu chí 4				x
Tiêu chí 5				x
Tiêu chí 6				x
Tiêu chí 7			x	
Tiêu chí 8			x	
Tiêu chí 9			x	
Tiêu chí 10			x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 1				x
Tiêu chí 2				x
Tiêu chí 3			x	
Tiêu chí 4				x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 1		x		
Tiêu chí 2		x		
Tiêu chí 3		x		
Tiêu chí 4		x		
Tiêu chí 5	x			
Tiêu chí 6	x			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 1				x
Tiêu chí 2				x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 1				x

Tiêu chí 2				X
Tiêu chí 3			X	
Tiêu chí 4			X	
Tiêu chí 5				X
Tiêu chí 6				X

4. Công khai kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục

Thực hiện công khai kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm:

4.1. Công khai thông tin về KHGD của năm học 2025-2026

- Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường năm học 2025-2026: Kế hoạch số 79/KH-NTr, ngày 09/05/2025 của trường THCS Măng Đen về kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2025-2026 (đăng trên website nhà trường tại địa chỉ: <http://thcsmangden.edu.vn/> hoặc <https://thcsmangden.edu.vn/tin-tuc-hoat-dong/ke-hoach-tuyen-sinh-lop-6-nam-hoc-2025-2026.html>).

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường (kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch phát triển, kế hoạch giáo dục của giáo viên,...): Link [01. KH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG 2025-2026](#))

- Sách giáo khoa sử dụng trong trường, gồm:

+ Lớp 6: [Danh mục SGK nam học 2025-2026 – PL1.xlsx](#)

+ Lớp 7: [Danh mục SGK nam học 2025-2026 - PL2.xlsx](#)

+ Lớp 8: [Danh mục SGK nam học 2025-2026 - PL3.xlsx](#)

+ Lớp 9: [Danh mục SGK nam học 2025-2026 - PL4.xlsx](#)

- Các loại hồ sơ khác:

+ Các loại kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh...

+ Cam kết phối hợp giữa gia đình, phụ huynh và nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

+ Các quy định của nhà trường, ...

(Được đính kèm trên office 365 của nhà trường và lưu trữ đảm bảo theo quy định)

4.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế

a) Số lớp, học sinh.

- Tổng số: 08 lớp = 288 học sinh. Cụ thể: Khối 6: 02 lớp = 79 HS; Khối 7: 02 lớp = 80 HS; Khối 8: 02 lớp = 70 HS; Khối 9: 02 lớp = 59 HS.

- Trong đó: Học sinh Dân tộc: 37 học sinh (chiếm tỷ lệ 12,8%); Học sinh nữ: 140 học sinh (chiếm tỷ lệ 48,6%); Học sinh nữ dân tộc: 19 học sinh.

- Tuyển mới vào lớp 6 đầu cấp: 79 học sinh.

b) Thông kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp.

- Chất lượng giáo dục chung toàn trường:

Nội dung		TSHS	Học tập				Rèn luyện			
			Tốt	Khá	Đạt	CD	Tốt	Khá	Đạt	CD
Chỉ tiêu KH đầu năm học 2025-2026	KQ	288	88	102	98	0	220	68	0	0
	Tỷ lệ %	100%	30,6%	35,4%	34%	0	76,4%	23,6%	0	0
Kết quả cuối năm học 2024-2025	KQ	251	69	76	104	2	199	49	3	0
	Tỷ lệ %	100%	27,5%	30,3%	41,4%	0,8%	79,3%	19,5%	1,2%	0
Tăng, giảm so với năm 2023-2024		Tăng 31 HS	Tăng 7,5%	Giảm 6,1%	Tăng 2,3%	Giảm 3,8%	Tăng 3,4 %	Giảm 0,1%	Giảm 2,9%	Giảm 0,4%

- Chất lượng giáo dục thực tế năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
I	Kết quả cuối năm	251	76	72	57	46
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	249 99,2%	75 98,7 %	71 98,6%	57 100%	46 =100%
a	Học sinh giỏi (HT Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	69 27,5%	23 30,3%	22 30,6%	13 22,8%	11 23,9%
b	Học sinh tiên tiến (HT Khá) (tỷ lệ so với tổng số)	76 30,3%	27 35,5%	21 29,2%	15 26,3%	13 28,3%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,8%	1 1,3%	1 1,4%	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,4%	0	1 1,4%	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	18/19	3/3	5/5	7/6	3/5
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)(tỷ lệ so với tổng số)	4 1,6%	0	1 1,4%	0	3 6,5%
II	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	48	10	18	5	15
2	Cấp tỉnh/thành phố					8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0
III	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	47				46

IV	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	47				46
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	127/125	43/33	28/44	31/26	25/22
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	39	7	16	4	12

c. Kết quả đánh giá xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể

- Chi bộ: Năm 2025, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.
- Công đoàn cơ sở: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Liên Đội: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Liên Đội mạnh cấp tỉnh.

III. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

1. Cách thức công khai

Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: <http://thcsmangden.edu.vn/>

Phổ biến về nội dung công khai vào đầu năm học mới 2025-2026.

Nhà trường thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh vào tháng 9/2025.

2. Thời gian công khai

2.1. Thời điểm công khai của nhà trường

- Công bố công khai các nội dung đối với các hoạt động giáo dục do nhà trường thực hiện được quy định tại Mục II của kế hoạch này trước ngày 30 tháng 6 năm 2026. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức.

- Công bố báo cáo thường niên của năm học 2025-2026 theo quy định tại phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT trước ngày 01/6/2026. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm 2025 thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai

2.3. Ngoài việc công khai theo quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, nhà trường phải thực hiện công khai khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xây dựng và ban hành quy định cụ thể về công khai trong hoạt động của nhà trường.

3. Tổ chức thực hiện, tổng kết, đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác năm học 2025-2026 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2026-2027 của nhà trường.

4. Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu của cấp trên.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026. Đề nghị các bộ phận, tổ chuyên môn, cá nhân trong trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai, thực hiện kế hoạch./.

Nơi nhận:

- UBND xã (b/cáo);
- BGH (c/đạo)
- Bộ phận, tổ CM, CBQL, GV, NV (t/hiện);
- BQT Website nhà trường (t/hiện);
- Lưu: VTNTTr.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Văn Đam